



Tổng quan Quỹ

Ngày thành lập	22/09/2022
Phí quản lý	1,4%/năm
Phí phát hành	0,5%
	Dưới 12 tháng: 1,0%
Phí mua lại	Từ 12 tháng – Dưới 24 tháng: 0,5%
	Từ 24 tháng trở lên: miễn phí
Ngân hàng Giám sát	BIDV - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Công ty Kiểm toán 2025	PwC Việt Nam
Tuần suất giao dịch	Thứ 2 – Thứ 6
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng Vietcombank

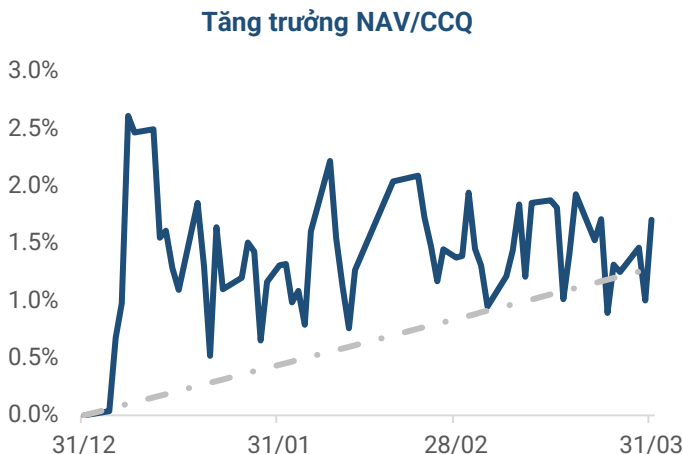
Giới thiệu

Mục tiêu đầu tư: Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Bản Việt (VCAMFI) là quỹ đầu tư trái phiếu được đầu tư chủ động vào trái phiếu doanh nghiệp do các tổ chức uy tín tại Việt Nam phát hành và có tính thanh khoản cao, với mục tiêu chính là tạo ra lợi nhuận cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 12 tháng trong trung và dài hạn.

Chiến lược đầu tư: Đội ngũ chuyên gia phân tích của Quỹ áp dụng khung Đánh giá tín dụng toàn cầu của S&P trong quy trình đầu tư đối với tất cả trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và phân bổ vào các ngành nghề có lợi thế kinh doanh và khả năng trả nợ dựa trên triển vọng thị trường của Giám đốc Quỹ.

Quỹ phân bổ 70% - 80% vào trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chứng chỉ tiền gửi trong khi duy trì 20% - 30% tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn để đảm bảo đủ thanh khoản cho các nhà đầu tư.

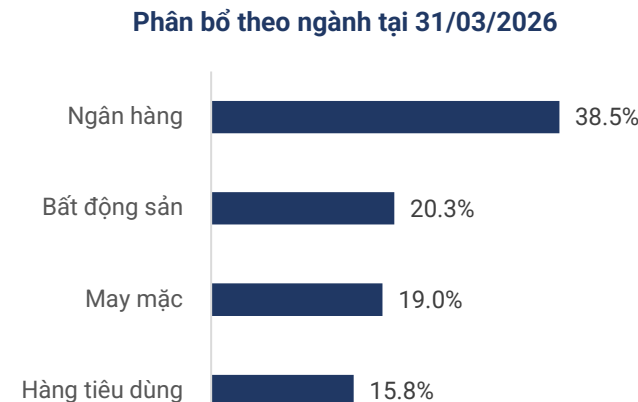
Diễn biến giá chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu



Hiệu suất đầu tư (tính tới ngày 31/03/2026)

NAV/CCQ (VND)	12.245,52
Lợi nhuận từ đầu năm 2026 (%)	1,70%
Lợi nhuận từ khi thành lập (%)	22,46%

Phân bổ trái phiếu theo ngành



5 danh mục lớn (trừ tiền mặt)

Mã	Tên Công ty	%
TNG	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	18,96%
BVB	Ngân hàng TMCP Bản Việt	18,30%
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	15,77%
VHM	CTCP Vinhomes	11,16%
NLG	CTCP Đầu tư Nam Long	9,11%



Nhận định Quỹ VCAMFI

1. Triển vọng thị trường

Cơ hội

- Thông tư số 136/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29/12/2025, có hiệu lực từ ngày 12/02/2026, đã điều chỉnh và mở rộng phạm vi đầu tư của các quỹ, trong đó nâng tỷ trọng tối đa đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ lên 20% giá trị tài sản ròng của quỹ. Đồng thời, Thông tư bổ sung các yêu cầu về xếp hạng tín nhiệm và điều kiện đối với tổ chức phát hành nhằm tăng cường quản lý rủi ro, bảo đảm tính minh bạch, an toàn và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, trong khi vẫn tạo điều kiện cho các quỹ trái phiếu đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Tăng trưởng tín dụng cho lĩnh vực bất động sản, trong đó các vướng mắc về hành lang pháp lý dần được tháo gỡ, cụ thể là Luật Đất đai và Luật các Tổ chức Tín dụng.

Rủi ro

- Năm 2024, một số điều thuộc Nghị định 08 hết hiệu lực và áp dụng trở lại Nghị định 65, hoạt động phát hành để đảo nợ có thể sẽ gặp khó khăn khi các quy định về phát hành trở nên chặt chẽ hơn.
- Các Doanh nghiệp bất động sản thiếu thanh khoản và có nhiều dự án dở dang sẽ có ít động lực thanh toán trái phiếu trong ngắn hạn để tập trung nguồn tiền vào xây dựng và hoàn thành dự án.

2. Quỹ có hành động gì cho Cơ hội & Rủi ro đã nêu?

- Duy trì khoản tiền và tương đương tiền ở mức phù hợp đáp ứng thanh khoản cho nhà đầu tư.
- Duy trì tỷ trọng trái phiếu ở mức tối đa để cải thiện lợi nhuận cho nhà đầu tư.
- Chủ động quan sát động thái thay đổi lãi suất từ Ngân hàng Nhà nước trong thời gian tới để đưa ra những điều chỉnh phù hợp nếu cần thiết.

Cập nhật thị trường trái phiếu và vĩ mô

Thị trường trái phiếu:

Trong tháng 3, thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận tổng giá trị phát hành đạt **30.326** tỷ đồng, trong đó:

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: **25.215** tỷ đồng
- Trái phiếu phát hành ra công chúng: **5.111** tỷ đồng (toàn bộ đến từ nhóm ngành Ngân hàng)

Trong cơ cấu phát hành riêng lẻ, ngành Bất động sản dẫn đầu với **23.796** tỷ đồng, chiếm 77% tổng giá trị phát hành. Tiếp theo là ngành Dịch vụ tài chính với **1.420** tỷ đồng, chiếm 5% tổng giá trị.

Về hoạt động mua lại trái phiếu trước hạn, thị trường vẫn duy trì ở mức thấp với tổng giá trị **6.511** tỷ đồng. Trong đó, nhóm Bất động sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với **5.668** tỷ đồng, tương đương 87%. Ngành Ngân hàng đứng thứ hai với **650** tỷ đồng, chiếm 10% tổng giá trị mua lại trước hạn.

Vĩ Mô

- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)** tháng 3/2026 tăng 1,23% so với tháng trước và tăng 4,65% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tăng 3,63%.
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP)** ước tính tăng **18,8%** so với tháng trước và tăng **6,9%** so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng** ước đạt 638,7 nghìn tỷ đồng, tăng **12,1%** so với cùng kỳ năm trước.
- Chỉ số **PMI ngành sản xuất Việt Nam** tháng 3/2026 giảm xuống còn 51,2 điểm (từ mức 54,3 điểm của tháng 2), cho thấy tốc độ tăng trưởng chậm lại đáng kể, mức thấp nhất trong 6 tháng, dù vẫn nằm trên ngưỡng 50 điểm. Nguyên nhân chính do áp lực chi phí đầu vào tăng mạnh và gián đoạn chuỗi cung ứng.
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa** tháng 3 đạt 46,33 tỷ USD, tăng 40,3% so với tháng trước và tăng **20,1%** so với cùng kỳ năm trước. **Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa** đạt 47,11 tỷ USD, tăng **38,2%** so với tháng trước và tăng **27,78%** so với cùng kỳ năm trước.
- Vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước** quý I/2026 ước đạt 133,2 nghìn tỷ đồng, bằng 14,5% kế hoạch năm và tăng **12,1%** so với cùng kỳ năm trước.
- Tổng số vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký** vào Việt Nam tính đến ngày 31/3/2026 đạt 15,2 tỷ USD, tăng **42,9%** so với cùng kỳ năm trước. **Tổng số vốn FDI thực hiện tại Việt Nam** trong 3 tháng đầu năm 2026 ước đạt 5,41 tỷ USD, tăng **9,1%** so với cùng kỳ năm trước.